TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày: 18-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

Ông Bùi Duy Thấm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Quốc Việt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2022/TLST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng N;

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Phạm Toàn V, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật (Tổng giám đốc);

2. Anh Vương Hoàng T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 4, hẽm 15 đường 30/4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 196/NHNo.TC-KHKD, ký ngày 13-01-2023) có đơn xin vắng mặt.

- ***Bị đơn***: Anh Trần Quang S, sinh năm 1974 và chị Trần Thị L, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 13, ấp T, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Vương Hoàng T trình bày:

Ngày 27-01-2021 anh Trần Quang S, chị Trần Thị L có ký kết hợp đồng tín dụng số 5705-LAV-202100263 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Tân Châu, vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay: Mua vật dụng sinh hoạt.

- Lãi suất: 10,5%/năm, khi lãi suất cho vay trên thị trường tín dụng tăng thì Ngân hàng tự động điều chỉnh tăng bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng, tại thời điểm điều chỉnh. Nhưng tối đa bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 5,5% đối với cho vay trung hạn.

+ Lãi suất nợ quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận.

+ Lãi chậm trả: 10%/năm.

+ Phương thức trả lãi nợ vay theo đình kỳ 03 tháng/1 lần vào ngày 26 tây.

- Thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày ký đến hết ngày 26-01-2026.

- Định kỳ trả nợ gốc và lãi: Ngày 26-01-2022 trả 100.000.000 đồng; ngày 26-01-2023 trả 100.000.000 đồng; ngày 26-01-2024 trả 100.000.000 đồng; ngày 26-01-2025 trả 100.000.000 đồng; ngày 26-01-2026 trả 100.000.000 đồng, cùng tiền lãi phát sinh định kỳ.

Khi vay anh S, chị L có thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 13.979,6 m^2, tờ bản đồ số 42, thửa đất số 199, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng nằm khác, thời hạn sử dụng 15-10-2063, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 964245, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 00377 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21-11-2016 cho anh Trần Quang S đứng tên đăng ký sử dụng. Việc thế chấp được công chứng chứng thực và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài tài sản trên anh S, chị L không có thế chấp tài sản nào khác.

Trong thời hạn vay, ngày 26-01-2022 anh S, chị L đã trả được số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 26-3-2022 thì ngưng không trả lãi theo định kỳ như đã thỏa thuận, Agribank chi nhánh Tân Châu nhiều lần làm việc và có văn bản yêu cầu anh S, chị L thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nhưng vẫn không thực hiện nên Ngân hàng chuyển nợ quá hạn.

Do anh S, chị L vi phạm nghĩa vụ tại Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng Agribank yêu cầu anh Trần Quang S, chị Trần Thị L trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 18-4-2023 là 50.962.324 đồng, đồng thời tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ gốc. Trường hợp anh S, chị L không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền bán tài sản thế chấp để trả cho Ngân hàng theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Quang S, chị Trần Thị L nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến nên coi như anh S, chị L từ bỏ quyền lợi của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Quang S, chị Trần Thị L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh S, chị L là phù hợp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định anh S, chị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu anh S, chị L phải trả số tiền nợ gốc đến nay (ngày 18-4-2023) là 400.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn, quá hạn và lãi chậm trả nợ 50.962.324 đồng; tổng cộng 450.962.324 đồng là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với anh Trần Quang S, chị Trần Thị L về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc anh Trần Quang S, chị Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là 400.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn, quá hạn và lãi chậm trả nợ 50.962.324 đồng; tổng cộng 450.962.324 đồng. Ngoài ra anh S, chị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quang S, chị Trần Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Quang S, chị Trần Thị L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh S, chị L.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng N cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Giấy chứng nhận QSDĐ (phô tô); Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (phô tô); Hợp đồng thế chấp tài sản (phô tô); 01 Hợp đồng tín dụng (phô tô); Quyết định ủy quyền số 2665/Qđ-NHNo-PC, ngày 01-12-2022 (phô tô); Quyết định điều động số 700/QĐ-NHNo-TCTL, ngày 26-4-2019 (phô tô); 03 biên bản xử lý nợ quá hạn (phô tô); Giấy CMND của anh S, chị L (phô tô); sổ hộ khẩu (phô tô). Các chứng cứ nêu trên đã được Tòa án công khai và thông báo cho anh S, chị L biết nhưng anh, chị không có ý kiến nên căn cứ Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số: 5705-LAV-202100263, ngày 27-01-2021 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Tân Châu với anh S, chị L đã ký kết có quy định về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng và những cam kết khác được các bên thỏa thuận. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng nên căn cứ vào Điều 398, Điều 401 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng với anh S, chị L là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Hợp đồng tín dụng số 5705-LAV-202100263, ngày 27-01-2021 thì hình thức trả nợ gốc theo định kỳ vào ngày 26-01-2022 trả 100.000.000 đồng; ngày 26-01-2023 trả 100.000.000 đồng; ngày 26-01-2024 trả 100.000.000 đồng; ngày 26-01-2025 trả 100.000.000 đồng; ngày 26-01-2026 trả 100.000.000 đồng và trả lãi nợ vay theo đình kỳ 03 tháng/1 lần vào ngày 26 tây. Tuy nhiên ngày 26-01-2022 anh S, chị L trả được số tiền 100.000.000 đồng và trả lãi đến ngày 26-3-2022 thì ngưng không tiếp tục trả nữa nên Ngân hàng lập biên bản chuyển nợ quá hạn đối với khoản nợ vay, khoản lãi theo hợp đồng tín dụng trên và anh Trần Quang S cam kết sẽ thanh toán cho Ngân hàng nhưng vẫn không thực hiện như cam kết tại các biên bản làm việc. Do đó có đủ cơ sở khẳng định anh S, chị L đã vi phạm các điều, khoản về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh S, chị L thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi suất trong hạn, lãi quá hạn, tổng cộng 450.962.324 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 27-01-2021 là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 66/2021/HĐTC, ngày 27-01-2021, các bên đã ký kết thì thấy rằng: Để đảm bảo cho số tiền vay gốc 500.000.000 đồng, anh Trần Quang S và chị Trần Thị L có thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 13.979,6 m^2, tờ bản đồ số 42, thửa đất số 199, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng nằm khác, thời hạn sử dụng 15-10-2063, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 964245, số vào sổ cấp giấy

chứng nhận CS 00377 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21-11-2016 cho anh Trần Quang S đứng tên đăng ký, sử dụng. Xét thấy, khi thế chấp tài sản giữa Ngân hàng với anh S, chị L có lập văn bản thế chấp được công chứng và đăng ký đúng theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự và Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm, được sửa đổi bổ sung theo Nghị định 11/2012/NĐ-CP. Do đó Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 66/2021/HĐTC, ngày 27-01-2021 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Tân Châu với anh Trần Quang S, chị Trần Thị L vẫn có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với anh Trần Quang S, chị Trần Thị L về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc anh Trần Quang S, chị Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 50.962.324 đồng; tổng cộng 450.962.324 đồng và tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quang S và chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mà yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với anh Trần Quang S, chị Trần Thị L về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc anh Trần Quang S, chị Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đến ngày 18-4-2023 là 50.962.324 (năm mươi triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi bốn) đồng; tổng cộng 450.962.324 (bốn trăm năm mươi triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (18-4-2023), anh Trần Quang S, chị Trần Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến

khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng (anh S, chị L) vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 66/2021/HĐTC, ngày 27-01-2021 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Tân Châu với anh Trần Quang S, chị Trần Thị L vẫn có hiệu lực pháp luật. Trường hợp anh S, chị L không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 13.979,6 m^2, tờ bản đồ số 42, thửa đất số 199, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng nằm khác, thời hạn sử dụng 15-10-2063, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 964245, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 00377 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21-11-2016 cho anh Trần Quang S đứng tên đăng ký, sử dụng để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quang S, chị Trần Thị L phải chịu 22.038.000 (hai mươi hai triệu, không trăm ba mươi tám nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Tân Châu 10.440.000 (mười triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0007769 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng N, anh Trần Quang S, chị Trần Thị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc